

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2026

"V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Ngà

2. Bà Đoàn Thị Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Minh Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Vương Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1989 "Vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn VT, xã TH, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1981 "Vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn TD, xã TL, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị H, sinh năm 1958 "Vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn VT, xã TH, tỉnh Hưng Yên.

- Cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/02/2013 "Vắng mặt"

- Cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 14/9/2017 "Vắng mặt"

Người đại diện hợp pháp cho cháu K và cháu T: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Đức M - Bố mẹ đẻ các cháu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Cháu Nguyễn Duy K và Cháu Nguyễn Duy T: Bà Đỗ Thị Hải - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên.

Bà Hải có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Tiến S, sinh năm 1979 “Vắng mặt”
Địa chỉ: Thôn TD, xã TL, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh và bị đơn anh Nguyễn Đức M có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, nay là xã TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 27/4/2012. Anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà bố mẹ đẻ anh M tại Thôn TD, xã TL, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng chị Nh sống hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M bạo lực gia đình và không quan tâm chăm sóc con cái. Sau khi chị Nh sinh cháu lớn là Khánh, cháu bị ốm chị Nh có nhờ anh M pha thuốc, chăm sóc cháu nhưng anh M mắng chửi, đánh chị Nh vì làm phiền anh M ngủ, khi cháu ở bệnh viện thì anh M không quan tâm chăm sóc cháu. Đến năm 2020 chị Nh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, đến năm 2025 chị Nh về nước. Trong quá trình sinh sống tại Nhật Bản chị Nh và anh M không liên lạc với nhau, anh M cũng không cho chị Nh liên lạc với các con. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, không liên lạc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Nh thấy hôn nhân anh chị không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh M.

Về con chung: Chị Nh và Mạnh có 02 con chung là Cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/02/2013 và Cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 14/9/2017, hiện hai cháu đang sống với anh M. Chị Nh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Anh chị sẽ tự thỏa thuận tiền cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nh và Mạnh không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Năm 2021 anh M có vay tiền bà Vũ Thị H - mẹ đẻ chị Nh, lần đầu vay 20.000.000 đồng, lần thứ hai vay 40.000.000 đồng. Anh M nói vay để đóng tiền bảo hiểm cho con nhưng thực tế anh M vay để làm gì chị Nh không biết. Khoản vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên chị xác định chị và anh M mỗi người có trách nhiệm trả bà H 30.000.000 đồng. Ngày 24/02/2026 chị Nh có đơn xin rút yêu cầu chia nợ chung của vợ chồng.

Tại Biên bản lấy lời khai và các văn bản bổ sung, bị đơn anh Nguyễn Đức M trình bày:

Anh M và chị Nh có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện TL, tỉnh Hưng Yên ngày 27/4/2012. Anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Vợ chồng anh M chung sống hạnh phúc được 08 năm. Năm 2020 chị Nh đi nước ngoài xuất khẩu lao động, năm 2025 chị Nh về nước và đề nghị ly hôn. Anh M đến hỏi hàng xóm bên ngoại thì phát hiện chị Nh ngoại tình với một người đàn ông tên Thành. Anh M không đồng ý ly hôn vì anh M theo đạo công giáo.

Về con chung: Vợ chồng anh M có 02 con chung là Cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/02/2013 và Cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 14/9/2014, hiện hai cháu đang sống với anh M. Anh M có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu. Anh M yêu cầu chị Nh phải đóng góp tiền nuôi con mỗi cháu 2.000.000đồng/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có nên không đề nghị giải quyết.

Về nợ chung: Anh M không vay tiền bà H. Chị Nh vì muốn đi xuất khẩu lao động nên đã vay bà H 60.000.000đồng. Bà H yêu cầu anh M đến làm chứng mới cho chị Nh vay, anh M không liên quan đến khoản vay này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H trình bày:

Bà H là mẹ đẻ chị Nh. Chị Nh và anh M có đăng ký kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã TL năm 2012. Hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện được hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới anh chị sống chung với bố mẹ đẻ anh M tại Thôn TD, xã TL, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình chị Nh và anh M chung sống, anh M thường xuyên đánh chị Nh. Khi chị Nh đưa con về nhà bà H thì bà thấy chị Nh bị thâm tím vì bị anh M đánh. Đến năm 2020 chị Nh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Chị Nh thỉnh thoảng vẫn gửi tiền về cho bà H để đưa anh M nuôi dưỡng chăm sóc các cháu. Anh M và chị Nh sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Nh làm đơn ly hôn anh M, đây là việc riêng của hai anh chị, bà H không có ý kiến.

Về con chung: Chị Nh, anh M có 02 con chung là Cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/02/2013 và Cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 14/9/2017. Hiện các cháu đang sống với anh M.

Về nợ chung: Năm 2021 anh M có 02 lần vay tiền bà H, lần đầu vay 20.000.000 đồng, lần thứ hai vay 40.000.000 đồng, tổng cộng là 60.000.000đồng. Anh M nói vay để đóng tiền bảo hiểm cho con. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Chị Nh đã có đơn xin rút yêu cầu giải quyết số tiền nợ này, bà H nhất trí và đề nghị Tòa án không giải quyết trong vụ án ly hôn giữa chị Nh và anh M. Nếu sau này bà H có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Quá trình giải quyết ngày 16/3/2026 Tòa án đã tiến hành hòa giải, kết quả hòa giải thành, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Đức M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nh và anh M có 02 con chung là Cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/02/2013 và Cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 14/9/2017. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và cháu T từ tháng 4/2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Nh tự nguyện không yêu cầu anh M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh tự nguyện nhận chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Ngày 18/3/2026 anh M có đơn thay đổi ý kiến sau khi hòa giải, anh M không đồng ý ly hôn do anh M theo đạo công giáo. Về con chung giữ nguyên ý kiến tại buổi hòa giải là giao hai con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Do sức khỏe yếu nên anh M không có kinh tế để đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh, bị đơn anh Nguyễn Đức M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H vắng mặt, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Cháu Nguyễn Duy K và Cháu Nguyễn Duy T:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị HĐXX tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Nh. Xử cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Nguyễn Đức M.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 14/09/2017 và Nguyễn Duy Khánh, sinh ngày 14/02/2013 cho chị Nguyễn Thị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Anh Nguyễn Đức M không phải cấp dưỡng. Anh M có quyền thăm con, chăm sóc giáo dục con chung, chị Nh không được ngăn cản.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Đức M.

+ Về con chung: Công nhận thỏa thuận giữa anh M và chị Nh, giao cháu K và cháu T cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự lập được.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M được quyền đi lại, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết nợ chung của chị Nh, anh M đối với bà Vũ Thị H.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Nh phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Nh yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đức M, địa chỉ: Thôn TD, xã TL, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên.

Phiên tòa ngày 09/4/2026 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh, bị đơn anh Nguyễn Đức M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh, anh M và bà H.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân.

Chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Đức M kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên vào ngày 27/4/2012 theo Trích lục kết hôn số: 11/2025/TLKH-BS ngày 15/5/2025. Do vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nh: Theo chị Nh thì vợ chồng chị sống hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M bạo lực gia đình và không quan tâm chăm sóc con cái. Sau khi chị Nh sinh cháu lớn là Khánh, cháu bị ốm chị Nh có nhờ anh M pha thuốc, chăm sóc cháu nhưng anh M mắng chửi, đánh chị Nh vì làm phiền anh M ngủ, khi cháu ở bệnh viện thì anh M không quan tâm chăm sóc cháu. Theo anh M thì anh chị chung sống hạnh phúc 8 năm, năm 2020 chị Nh đi nước ngoài xuất khẩu lao động đến năm 2025 chị Nh về nước thì làm đơn xin ly hôn do ngoại tình nhưng anh M không xuất trình được căn cứ. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, tại phiên hòa giải cả hai anh chị đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đã thuận tình ly hôn. Sau hòa giải anh M có đơn thay đổi ý kiến là không đồng ý ly hôn nhưng lý do là theo đạo công giáo, không phải là còn tình cảm với chị Nh. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Nh, anh M đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa. Do vậy việc chị Nh xin ly hôn anh M là có căn cứ chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị Nh và anh M có 02 con chung là Cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/02/2013 và Cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 14/9/2017, cả hai cháu hiện đang ở cùng anh M. Chị Nh có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Tại phiên hòa giải ngày 16/3/2026 chị Nh và anh M thỏa thuận giao cả hai cháu cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Sau phiên hòa giải mặc dù anh M thay đổi ý kiến là không đồng ý ly hôn nhưng vẫn giữ nguyên ý kiến tại buổi hòa giải là giao hai con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Xét đây là sự thỏa thuận của các đương sự nên được công nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M xác định hiện nay sức khỏe yếu không có kinh tế để cấp dưỡng nuôi con. Chị Nh không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của chị Nh nên được ghi nhận.

2.3 Về tài sản chung: Chị Nh, anh M đều xác định không có và không đề nghị giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện chị Nh xác định năm 2021 anh M có vay bà H là mẹ đẻ chị Nh số tiền 60.000.000 đồng để đóng tiền bảo hiểm cho con nhưng thực tế anh M vay để làm gì chị Nh không biết. Khoản vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên chị xác định chị và anh M mỗi người có trách nhiệm trả bà H 30.000.000 đồng. Bà H yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 24/02/2026 chị Nh có đơn xin rút yêu cầu chia nợ chung của vợ chồng, bà H nhất trí với việc chị Nh rút yêu cầu. Việc chị Nh rút yêu cầu chia nợ chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên sẽ đình chỉ giải quyết về nợ chung của vợ chồng, nếu sau này chị Nh và bà H có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Đức M.

[2] Về con chung: Chị Nh, anh M có 02 con chung là Cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/02/2013 và Cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 14/9/2017. Công nhận sự thỏa thuận của chị Nh và anh M, giao cháu K và cháu T cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Nh và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh M trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

[3] Về tài sản chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

[4] Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết nợ chung của chị Nh, anh M đối với bà Vũ Thị H.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp là 1.800.000 đồng Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0002879 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

Hoàn trả chị Nh số tiền 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí thừa.

[6] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS KV1-Hung Yên;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS KV1 - Hưng Yên;
- UBND xã TL
- (Đăng ký số 020 ngày 27/4/2012).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý